TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/DS-ST
Ngày: 13/8/2024
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lạc

2. Ông Trần Văn Mới

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406C/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: 1. Ông **Trần Ngọc Hoài A, sinh năm 1966

2. Bà **Đỗ Thị P**, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: ấp Đông Lợi, xã Đông Bình, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

(Bà Đỗ Thị P ủy quyền cho ông Trần Ngọc Hoài A)

Bị đơn*: 1. Ông **Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Thới Hòa A, TT. Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Ngọc Hoài A, bà Đỗ Thị P trình bày:

Vào năm 2019, ông Nguyễn Thanh Đ đã vay tiền của ông bà nhiều lần, cụ thể: ngày 09/10/2019: 30.000.000đồng; ngày 03/11/2019: 20.000.000đồng; ngày 20/11/2019: 20.000.000đồng; ngày 18/9/2020: 50.000.000đồng; ngày 16/5/2021: 40.000.000đồng; ngày 26/5/2021: 100.000.000đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, ông Đ đã trả 12.900.000đồng tiền lãi. Nay ông bà yêu cầu ông Đ và bà T trả 260.000.000đồng và tiền lãi 303.900.000đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị T vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc Hoài A rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị T, yêu cầu ông Nguyễn Thanh Đ trả số tiền 344.162.000đồng, gồm 260.000.000đồng vốn gốc và 84.162.000đồng tiễn lãi (tính từ tháng 5/2021 đến nay là 39 tháng, lãi suất 10%/năm).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39; 184 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn này nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ trả số tiền 344.162.000đồng, gồm 260.000.000đồng vốn gốc và 84.162.000đồng tiễn lãi (tính từ tháng 5/2021 đến nay là 39 tháng, lãi suất 10%/năm).

[3.1] Về tiền vốn gốc: Theo các biên nhận vay tiền: ngày 09/10/2019: 30.000.000đồng; ngày 03/11/2019: 20.000.000đồng; ngày 20/11/2019:

20.000.000đồng; ngày 18/9/2020: 50.000.000đồng; ngày 16/5/2021: 40.000.000đồng; ngày 26/5/2021: 100.000.000đồng có chữ ký tên Nguyễn Thanh Đ, cộng các khoản tiền trên thì ông Đ đã nhận của phía nguyên đơn 260.000.000đồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, phía bị đơn cố tình vắng mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, không yêu cầu phản tố và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó, xem như bị đơn từ bỏ quyền chứng minh. Cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay 260.000.000đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3.2] Về tiền lãi: Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu trả lãi theo quy định. Tuy nhiên, các biên nhận vay tiền ngày 09/10/2019, ngày 03/11/2019, ngày 20/11/2019, ngày 18/9/2020, ngày 16/5/2021, ngày 26/5/2021 có ghi *"Lãi suất thỏa thuận hai bên"*, ngoài nội dung này thì phía nguyên đơn không chứng minh được giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trường hợp này được xác định *"các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất"* thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tức không quá 10%/năm. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 84.162.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc Hoài A và bà Đỗ Thị P đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh Đ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi của ông Trần Ngọc Hoài A và bà Đỗ Thị P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

3. Buộc ông Nguyễn Thanh Đ trả cho ông Trần Ngọc Hoài A và bà Đỗ Thị P số tiền 344.162.000đồng (ba trăm bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng), trong đó gồm 260.000.000đồng tiền vốn gốc và 84.162.000đồng tiễn lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu 17.208.100đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Ngọc Hoài A và bà Đỗ Thị P được nhận lại 13.278.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007617 ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc